

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 350/2018/DS- PT

Ngày 31 - 10 - 2018

V/v tranh chấp “Quyền sở hữu tài sản
bị cưỡng chế thi hành án”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp;

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Sum;

Bà Võ Thị Thu Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp “Quyền sở hữu tài sản bị cưỡng chế thi hành án”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 168/2018/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 305/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Lê Thị C** (Tên gọi khác Nguyễn Thị C) sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* **Huỳnh Ngọc H**, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chi cục Thi hành án dân huyện C.

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: **Lê Thị T** - Chi cục trưởng. (Có văn bản xin vắng mặt)

2. NLQ2, sinh năm 1953. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà NLQ2; Luật sư Phạm Ngọc D – Văn phòng luật sư Phạm Ngọc D, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt)

3. Ông **NLQ3**, sinh năm 1978. (có mặt)

4. Cháu **NLQ4**, sinh năm 1998.

5. Cháu **NLQ5**, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Cùng có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Bà **NLQ6**, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Lê Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

*** Nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:**

Bà và ông Huỳnh Ngọc H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1977, không có đăng ký kết hôn. Lúc đầu vợ chồng bà cùng sống chung cha mẹ chồng được vài tháng thì về cha mẹ ruột bà sinh sống, sau năm 1980 cha mẹ bà có cho đất và tiền để cất nhà (hiện là phần tài sản bà đang tranh chấp) và bà cùng chồng con ở trên phần đất này. Đến ngày 02/02/2004 thì bà được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03921.QSĐĐ/60/QĐ-UB.H với diện tích là 650 m² thuộc thửa số 743, tờ bản đồ số 3, loại đất thổ cư tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Hiện nhà và đất trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C Thông báo kê biên để thi hành khoản nợ 250.000.000 đồng mà Tòa án xử buộc ông H trả cho bà Hoa.

Nay bà yêu cầu xác định phần nhà (Gồm nhà chính và nhà phụ) và đất trên là thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà.

*** Bị đơn ông Huỳnh Ngọc H trình bày:**

Ông và bà C xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1977 và sống cùng gia đình ông, đến năm 1980 về sống chung với cha mẹ vợ ông, cha mẹ vợ có cho vợ ông phần đất và tiền để cất nhà như lời trình bày của bà C, ông cùng vợ con sống trên phần đất và nhà trên. Nay ông xác định nhà đất trên là của bà C.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ2 trình bày:**

Vào năm 1980 khi ông H (em ruột bà) cưới vợ thì cha mẹ bà có cho vàng (không nhớ rõ bao nhiêu) để mua miếng đất trên. Sau khi mua đất thì vợ chồng ông H cùng cất nhà và sinh sống cho đến nay. Sau đó ông H có trúng số nên có tu bổ cho căn nhà như hiện nay, vì vậy nhà đất trên là tài sản chung của vợ chồng bà C, ông H.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các anh NLQ3, NLQ4, NLQ5 cùng có ý kiến trình bày:***

Các anh là con và cháu của ông Huỳnh Ngọc H và bà Lê Thị C (NLQ3 là con, NLQ4, NLQ5 là cháu nội ông H, bà C). Hiện bà C và ông H đang có tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế là căn nhà và đất tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đây là nơi các anh sinh ra và lớn lên và có cùng hộ khẩu. Các anh không có công sức đóng góp gì đối với phần tài sản này, tài sản này là của cha mẹ bà C cho bà C. Nay xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện C có ý kiến trình bày:***

Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nhận thấy đây là tranh chấp dân sự giữa các đương sự giữa các bên đương sự, đề nghị Tòa án nhân dân huyện C căn cứ qui định pháp luật để giải quyết vụ việc trên.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị NLQ6 trình bày:***

Chị là con của ông Huỳnh Ngọc H và bà Lê Thị C. Hiện bà C và ông H đang có tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế là căn nhà và đất tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đây là nơi chị sinh ra và lớn lên và có cùng hộ khẩu. Năm 2008 chị đã chuyển hộ khẩu và sinh sống bên nhà chồng. Chị không có công sức đóng góp gì đối với phần tài sản này, tài sản này là của cha mẹ bà C cho bà C. Nay xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 168/2018/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang:***

Căn cứ vào các Điều 158, 161, 163, 186, 189, 208, 212, 213 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5 Luật đất đai.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Công nhận bà Lê Thị C được quyền sở hữu, sử dụng $\frac{1}{2}$ các tài sản sau:

- Phần đất có diện tích theo thực đo là 596,7 m² thuộc thửa số 743, tờ bản đồ số 03, loại đất TQ, tọa lạc tại, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03921.QSDD/60/QĐ-UB.H do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 02/02/2004 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị C (trang tư đính chính tên là Lê Thị C – Có sơ đồ kèm theo). Tứ cận là:

- + Đông giáp Nguyễn Huỳnh Mộng T và Nguyễn Huỳnh T;
- + Tây giáp đường đá 0x4 rộng 2m;
- + Nam giáp Nguyễn Huỳnh T;
- + Bắc giáp Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn D.

- Nhà chính: diện tích 131,52m² (16,65m x 7,9m). Kết cấu: Cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch men, mái tôn, trần lima.

- Nhà phụ: diện tích 73,4m² (8,8m x 8,3m). Kết cấu: Cột bê tông đúc sẵn, vách tường, nền gạch men, mái tôn xi măng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí, được trừ vào 2.500.000 đồng đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 26116 ngày 27/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên được hoàn lại 2.200.000 đồng tạm ứng án phí.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 31 tháng 7 năm 2018 nguyên đơn Lê Thị C có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

* Tại phiên Tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

- Nguyên đơn Lê Thị C, tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung đã kháng cáo và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác trong việc kháng cáo. Bà trình bày tài sản đang tranh chấp là do cha mẹ ruột của bà cho trong thời kỳ hôn nhân, hiện nay vợ chồng bà vẫn sống chung tại căn nhà mà bà đang tranh chấp. Lý do bà yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản là do chồng bà có nợ của bà NLQ2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện số tiền tiền 250.000.000 đồng đã có bản án có hiệu lực pháp luật và cơ quan thi hành án dân sự huyện C tổ chức thi hành, kê biên tài sản của bà nên bà yêu cầu Tòa án xác định tất cả tài sản đang bị kê biên là tài sản của bà không phải của chồng bà.

- Bị đơn Huỳnh Ngọc H cũng thừa nhận với nội dung của bà Lê Thị C và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của vợ ông là nguyên đơn trong vụ án.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh NLQ3, chị NLQ6, đề nghị xem xét cho yêu cầu của bà C về số tài sản bị kê biên là tài riêng của bà C để gia đình có chỗ ở, sinh sống.

* Luật sư Phạm Ngọc D bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà NLQ2 đề nghị Hội đồng xét xử: Xác định tài sản tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng bà C và ông H, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà C.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn cho thấy các tài sản mà nguyên đơn đang yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu là tài sản có được trong thời kỳ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn, mục đích khởi kiện của nguyên đơn để né tránh nghĩa vụ thi hành bản dân sự đã có hiệu lực pháp luật, tài sản đang bị cơ quan thi hành án dân sự kê biên. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là tài sản riêng của bà. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và việc vắng mặt của các đương sự xét thấy đã có lời trình bày đầy đủ, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu về tài sản mà nguyên đơn yêu cầu tòa án xác định quyền sở hữu đều phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà C và ông H, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của vợ và chồng là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không chứng minh được số tài sản tranh chấp là tài sản riêng của bà.

Xét thấy, các tài sản mà bà C yêu cầu tòa án xác định quyền sở hữu tài sản bị cưỡng chế thi hành án, theo bà là do cha mẹ bà cho riêng bà. Các tài liệu như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà C gồm có chồng và các con vào năm 2004, nhà ở được xây dựng mới lại từ năm 2002, về hôn nhân bà C và ông H đã sống với nhau từ năm 1977 cho đến nay và không có chứng cứ tài liệu nào xác định là tài sản riêng của bà, theo Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tài sản chung của vợ chồng nếu không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định các tài sản đang tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng nên quyết định về sở hữu tài sản chung của vợ chồng tương đương nhau (1/2) do không có tài liệu chứng cứ gì khác chứng minh tất cả tài sản mà nguyên đơn yêu cầu xác định là của riêng nguyên đơn, nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định là có cơ sở đúng pháp luật.

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận với nhau đề nghị Tòa án xem xét số tài sản nêu trên là của riêng nguyên đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, sự tự thỏa thuận của các đương sự là trái pháp luật nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Sự thỏa thuận, định đoạt của đương sự chỉ hợp pháp khi nó không xâm phạm quyền, lợi ích của Nhà nước, của cá nhân, tổ chức khác, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc tự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Do yêu cầu của bà C chỉ yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản đối với căn nhà và đất, không yêu cầu chia tài sản chung, không tranh chấp các tài sản khác trên đất, không yêu cầu giao tài sản, bà vẫn đồng ý để các thành viên trong hộ sử dụng, theo phạm vi khởi kiện của nguyên đơn Tòa án cấp sơ thẩm không phân chia tài sản để giao quyền sử dụng cho nguyên đơn và quyết định về quyền sở hữu theo yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận, do đó cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm xét thấy có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Khoản 1, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, do không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị C, nên nguyên đơn Lê Thị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 158, 161, 163, 186, 189, 208, 212, 213 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5 Luật đất đai.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Lê Thị C.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 168/2018/DS-ST ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Công nhận bà Lê Thị C được quyền sở hữu, sử dụng $\frac{1}{2}$ các tài sản sau:

Phần đất có diện tích theo thực đo là 596,7² thuộc thửa số 743, tờ bản đồ số 03, loại đất TQ, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03921.QSDĐ/60/QĐ-UB.H do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 02/02/2004 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị C (trang tư đính chính tên là Lê Thị C – Có sơ đồ kèm theo). Tứ cận là:

+ Đông giáp Nguyễn Huỳnh Mộng T và Nguyễn Huỳnh T;

+ Tây giáp đường đá 0x4 rộng 2m;

+ Nam giáp Nguyễn Huỳnh T;

+ Bắc giáp Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn D.

- Nhà chính: diện tích 131,52m² (16,65m x 7,9m). Kết cấu: Cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch men, mái tôn, trần lima.

- Nhà phụ: diện tích 73,4m² (8,8m x 8,3m). Kết cấu: Cột bê tông đúc sẵn, vách tường, nền gạch men, mái tôn xi măng.

2. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm:

Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí, được trừ vào 2.500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 26116 ngày 27/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên được hoàn lại 2.200.000 đồng tạm ứng án phí.

+ Án phí phúc thẩm:

Nguyên đơn Lê Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008633 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Công bố BA CTTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2018-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Hoàng Hiệp